

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Trần Bình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: Số 2, H1, phường C, Quận B, thành phố Hà Nội.

Do ông Trần Bình N1 – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện V (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 136-138, đường 30/4 khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Tôn Thị R1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)
 2. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng A: Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022 và văn bản số 12/NHNo-VH ngày 28/9/2022, yêu cầu bà R1 và ông Th1 phải liên đới trả số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 1.789.355.926 đồng (trong đó nợ gốc là 1.540.000.000 đồng) và tuyên công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Lý do yêu cầu được trình bày như sau:

Lý do khởi kiện: Ngày 24 tháng 9 năm 2020, bà Tôn Thị R1 và ông Nguyễn Văn Th1 đến tại A chi nhánh huyện V Long An vay số tiền 1.800.000.000 đồng. Thời gian vay, lãi suất vay cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD ngày: 24/9/2020 số tiền vay gốc 1.800.000.000 đồng; thời gian vay 60 tháng, chia là 05 kỳ trả nợ gốc và lãi, mỗi kỳ trả 360.000.000 đồng, trả lần đầu ngày 24/9/2021, lần cuối ngày 24/9/2025, lãi suất vay trong hạn 11,5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, thực hiện điều chỉnh theo từng kỳ (đã điều chỉnh 02 lần); lãi chậm trả 5%/năm. Từ khi vay, bà R1 và ông Th1 chỉ trả được 260.000.000 đồng gốc và lãi đến ngày 13/4/2021. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông Th1 và bà R1 trả nợ nhưng ông bà không thực hiện, tính đến khi khởi kiện thì khoản vay của ông bà đã quá hạn thanh toán theo cam kết. Tổng số nợ quá hạn đến ngày 29/9/2022 là 460.000.000 đồng (100.000.000 đồng quá hạn từ ngày 24/9/2021, 360.000.000 đồng quá hạn từ ngày 24/9/2022). Tổng số tiền nợ lãi của các bị đơn được tính như sau:

Lãi trong hạn: (Từ ngày 13/4/2021 đến ngày 14/7/2021: 1.540.000.000 đồng x 11,5%/năm x 93 ngày) + (từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021: 1.540.000.000 đồng x 10,35%/năm x 170 ngày) + (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/9/2022: 1.540.000.000 đồng x 10,5%/năm x 272 ngày) = 239.860.274 đồng.

Lãi quá hạn: (Từ ngày 24/9/2021 đến 31/12/2021: 100.000.000 đồng x 5,175%/năm x 99 ngày) + (từ ngày 01/01/2022 đến 23/9/2022: 100.000.000 đồng x 5,25%/năm x 266 ngày) + (từ ngày 24/9/2022 đến 29/9/2022: 100.000.000 đồng x 5,25%/năm x 06 ngày) = 5.626.643 đồng.

Lãi chậm trả: Được tính trên số tiền lãi trong hạn phải trả từ ngày 24/9/2021 đến 29/9/2022 là 76.128.740 đồng x 5,0%/năm x 371 ngày = 3.869.009 đồng.

Khi vay ông Th1 và bà R1 có thế chấp tại Agribank chi nhánh huyện Vĩnh Hưng Long An theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/09/2020 gồm các tài sản là quyền sử

dụng đất tọa lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Long An, trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Th1 đứng tên: Số bìa: BD 290755, diện tích: 88m² thửa 202, Số BO 431605, diện tích: 88m² thửa 201, tất cả thuộc tờ bản đồ số 8-1.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà R1 đứng tên: Số AH 328395, diện tích: 120m² thửa 217, tờ bản đồ số 8-1.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Th1 và bà R1 đứng tên: Số bìa BU 561705, diện tích: 88m² thửa 203, Số bìa BU 561709, diện tích: 86m² thửa 204, số bìa CA 570154, diện tích: 120m², thửa 218. Tất cả các thửa đất nêu trên thuộc tờ bản đồ số 8-1

Bị đơn bà Tôn Thị R1 và ông Nguyễn Văn Th1: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến và lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2: Bà và ông T1 là vợ chồng, có thuê căn nhà bán tạp hóa trên các thửa đất 201, 202, 203 và 204 tờ bản đồ số 8-1 tại ấp T, xã Kh, huyện V của bà R1 với giá 3.000.000 đồng/tháng x 5 năm = 108.000.000 đồng từ năm 2021, hai bên chỉ viết giấy tay, bà chỉ sử dụng để buôn bán hàng hóa, từ khi thuê đến nay bà không có đầu tư gì trên nhà và đất. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn văn T1: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến và lời trình bày.

- Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt theo thông báo, giấy báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A nhận thấy ngân hàng cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm Hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC cùng ngày 24/9/2020; biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; Phiếu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, các văn bản trên đều có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1. Do đó có căn cứ cho rằng ông Th1 và bà R1 có vay ngân hàng A – chi nhánh huyện V số tiền 1.800.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 5%/năm, thời điểm điều chỉnh lãi suất định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần kể

từ ngày nhận nợ và ông Th1 bà R1 đã dùng tài sản gồm các thửa đất số 217, 202, 201, 203, 204, 218 tờ bản đồ số 8-1 đem đi thế chấp.

Xét về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng của ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1: căn cứ vào các tài liệu do ngân hàng cung cấp cho thấy ngày 25/9/2020 nhận giải ngân bằng cách chuyển khoản cho Tôn Thị R1 số tài khoản 6610205117821 mở tại A chi nhánh V, định kỳ trả nợ gốc là 01 năm một lần, mỗi lần 360.000.000 đồng, thực hiện từ 24/9/2021 đến 24/9/2025, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng 1 lần. Từ ngày vay cho đến nay, ông Th1 bà R1 chỉ trả được một phần tiền gốc 260.000.000 đồng vào ngày 13/4/2021 và 47.638.356 tiền lãi. Như vậy, căn cứ vào Điều 6 hợp đồng tín dụng và tại phụ lục Hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064, tuy chưa hết hạn hợp đồng nhưng bà Tôn Thị R1 và ông Nguyễn Văn Th1 đã vi phạm thỏa thuận, nay đã quá hạn, không thực hiện việc trả nợ nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về việc công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/9/2022, nhận thấy do để đảm bảo khoản vay, ông Th1 bà R1 đã ký Hợp đồng thế chấp trên nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả phân tích, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Giữa nguyên đơn và vợ chồng bà R1, ông Th1 có xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Đồng thời, bị đơn bà R1, ông Th1 có nơi cư trú và nhiều tài sản thế chấp tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An, hợp đồng cũng được thực hiện tại huyện Vĩnh Hưng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Th1 và bà R1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, còn người đại diện của Ngân hàng và bà H2 thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định cho ông Th1, bà R1, ông T1 nhưng các

ông bà không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đương sự không hợp tác, không thực hiện quyền tranh tụng là tự tước đi quyền do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về giao kết và thực hiện hợp đồng:

Bà R1 và ông Th1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An từ năm 2006, vợ chồng vẫn sống chung và cùng làm kinh tế và cùng ký kết các hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD ngày 24/9/2020 và hợp đồng thế chấp số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/9/2020. Hợp đồng do người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A – Chi nhánh V và ông Th1, bà R1 cùng ký tên, tại thời điểm giao kết hợp đồng ông Th1, bà R1 là người đã trưởng thành, không mắc các bệnh làm mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định và thời điểm này đất không có tranh chấp. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như cam kết trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ thì ông Th1, bà R1 có vay của Ngân hàng số tiền 1.800.000.000 đồng và cam kết trả nợ trong thời hạn 60 tháng, chia làm 05 kỳ, mỗi kỳ trả 360.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc nhưng ông Th1, bà R1 không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do ông Th1 và bà R1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện yêu cầu ông Th1, bà R1 phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Xét về số tiền nợ gốc: Ngân hàng xác định ông Th1, bà R1 chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 260.000.000 đồng và tổng nợ lãi đến ngày 13/4/2021 là 113.433.047 đồng. Ông Th1, bà R1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và cũng không có văn bản thể hiện việc không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên có căn cứ xác định ông Th1, bà R1 còn nợ 1.540.000.000 đồng tiền gốc.

[6] Xét về tiền nợ lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay trong hạn là 11,5%/năm, được điều chỉnh theo từng thời điểm (đã điều chỉnh áp dụng các mức lãi suất như sau 10,35%/năm, 10,5%/năm), nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả là 5%/năm. Như vậy, ngân hàng yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử (ngày 29/9/2022) với số tiền 249.355.926 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật

Các tổ chức tín dụng, bao gồm: Lãi trong hạn là 239.860.274 đồng; lãi quá hạn là 5.626.643 đồng; lãi chậm trả 3.869.009 đồng.

[7] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD ngày 24/9/2020 thì ông Th1 và bà R1 có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/9/2020, quyền sử dụng đất được đăng ký thế chấp ngày 24/9/2020 theo đúng quy định. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2022 thì các thửa 201, 202, 203, 204 có 01 căn nhà tạm; còn thửa 217 và 218 là khu đất trống, không có công trình kiến trúc, tất cả các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 8-1, đồng thời theo Công văn trả lời số 126/UBND-VP ngày 06/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã H cũng xác định thửa đất 202 thuộc tờ bản đồ số 8-1. Vì vậy, căn cứ Điều 298, Điều 317, Điều 319, Điều 323 Bộ luật Dân sự Hợp đồng thế chấp số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/9/2020 có hiệu lực pháp luật.

- Từ các phân tích tại các mục [3] [4] [5] [6] [7], có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

[8] Bà H2, ông T1 không có yêu cầu trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Tổng chi phí là 700.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Th1, bà R1 phải liên đới chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng A – Chi nhánh V đã tạm ứng nên ông Th1, bà R1 có nghĩa vụ hoàn trả 700.000 đồng.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự thì bà R1 và ông Th1 phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải trả cho A với mức án phí 36.000.000 đồng + 29.680.677 đồng (3% của giá trị vượt 800.000.000 đồng) = 65.681.000 đồng (đã làm tròn) và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công nhận. Ngân hàng A được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 298, Điều 319, Điều 323 Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1 phải liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vay gốc và lãi đến ngày xét xử (ngày 29/9/2022) là 1.789.355.926 đồng (một tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 1.540.000.000 (một tỷ, năm trăm bốn mươi triệu) đồng, nợ lãi là 249.355.926 (hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 30/9/2022 trở đi, ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1 còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số nợ chưa thi hành xong, mức lãi suất phát sinh được xác định theo hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD ngày 24/9/2020.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610LCL2020HĐA092/HĐTC ngày 24/9/2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1 với Ngân hàng A - Chi nhánh V được đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng số 6610LAV202005064/HĐTD ngày 24/9/2020.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1 phải liên đới chịu 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng. Ngân hàng A – Chi nhánh V đã nộp xong nên ông Nguyễn Văn Th1 và bà Tôn Thị R1 phải hoàn trả 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng

Về án phí: Bà Tôn Thị R1 và ông Nguyễn Văn Th1 phải liên đới chịu 65.981.000 (sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho Ngân hàng A 31.770.000 (ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 19/4/2022 theo biên lai thu tiền số 0003673.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Xuân Liễu